

Bản án số: **57** /2024/HNGD-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hợi
- Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/QĐST – HNGĐ ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phương Thị Q**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

(Chị **Q** có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**

(Anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Phương Thị Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh **Trần Văn T** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 17/02/2022. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi chửi nhau, khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt, anh **T** không tôn trọng chị xỉ nhục chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn vì vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu. Nên chị xin ly hôn với anh **Trần Văn T** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Không có

Về phía bị đơn anh **Trần Văn T**: Quá trình giải quyết vụ án anh **T** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật.

Qua làm việc với ông **Trần Văn M** là bố đẻ anh **T** và chính quyền địa phương được biết: Anh **T** hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống cùng nhà với bố đẻ là ông **Trần Văn M** tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Ông **M** có biết vợ chồng anh **T**, chị **Q** mâu thuẫn và trao đổi với nhau về việc ly hôn. Hiện anh **T**, chị **Q** đang sống ly thân nhau, chị **Q** đi ở nơi khác còn anh **T** vẫn đang sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông **M** ở xóm T, xã Đ. Anh **T** đã nhận được hết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **T** cho biết sẽ không đến Tòa án giải quyết mà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh **T** không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị **Phương Thị Q** vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh **T**, về tài sản chung, công nợ chung chị **Q** xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phương Thị Q** và cho chị **Q** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Q** phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị **Phương Thị Q** và anh **Trần Văn T** kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 17/02/2022. Vì nhiều nguyên nhân, nay chị **Phương Thị Q** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Trần Văn T** có nơi cư trú tại xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn là chị **Phương Thị Q** đã đến Tòa án viết bản tự khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh **Trần Văn T**, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải

quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, lập biên bản làm việc tại gia đình anh **Trần Văn T**, thì được bố đẻ của anh **T** là ông **Trần Văn M** và chính quyền địa phương cho biết anh **T** vẫn thường xuyên có mặt ở địa phương, anh **T** đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **T** cho biết sẽ không đến Tòa án mà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Ngày 16/9/2024 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh **Trần Văn T** mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16/9/2024 và đồng thời tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại nơi thường trú của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phương Thị Q** và anh **Trần Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị **Q** xin ly hôn anh **T** là do anh **T** không tôn trọng chị, xỉ nhục chị và đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cãi chửi nhau, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **Q** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh **T**. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **Q** và anh **T** không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị **Q** và anh **T** không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp nhận cho chị **Q** được ly hôn anh **T** là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Q** xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này chị **Q** và anh **T** có tranh chấp về tài sản chung, công nợ chung thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Phương Thị Q** phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phương Thị Q**, cho chị **Q** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không xem xét giải quyết

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Q** phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003921 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt (chị **Q**) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt (anh **T**) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đào Xá;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

